

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN NK
THÀNH PHỐ CT**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03/2021/KDTM-ST
Ngày: 18/01/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng dịch vụ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN NK

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Mỹ T**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà **Nguyễn Thị Thanh H**

2. Bà **Đỗ Thị Lệ H**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà **Võ An T** – Thư ký Tòa án nhân dân quận NK.

Ngày 18 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận NK, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 46/2020/TLST-KDTM ngày 05/10/2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng dịch vụ*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 905/2020/QĐST-KDTM ngày 30 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH MTV Khám chữa bệnh Đa khoa PH

Địa chỉ: 140, Nguyễn An Ninh, P. Tân An, Q. NK, TP. CT.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Võ Hồ Thê P – Có mặt

Địa chỉ: 310/14A1, đường 30/4, P. Hưng Lợi, Q. NK, TP. CT.

(Văn bản ủy quyền ngày 28/12/2020)

Bị đơn: Công ty TNHH Dịch vụ D

Địa chỉ: 212, Nguyễn Văn Cừ, P. An Khánh, Q. NK, TP. CT.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Huỳnh Thị Thu N – Có mặt

(Văn bản ủy quyền ngày 18/01/2021)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 05/7/2018, Công ty TNHH MTV Khám chữa bệnh Đa khoa PH (gọi tắt Công ty PH) và Công ty TNHH Dịch vụ D (gọi tắt là Công ty D) ký hợp đồng dịch vụ số 37/HĐKSK-CTPH.2018 về việc khám sức khỏe cho nhân viên công ty D. Ngày 07/7/2018 việc khám sức khỏe đã được Công ty PH thực hiện xong với

tổng số tiền là 31.204.500 đồng. Ngày 09/7/2018 Công ty PH đã xuất hóa đơn GTGT số 0000650 cho Công ty D, đã bàn giao hóa đơn có lập giấy xác nhận với Công ty D, đã thanh lý hợp đồng, bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cùng 71 sổ khám sức khỏe định kỳ cho Công ty D theo đúng thỏa thuận hợp đồng. Công ty PH nhiều lần yêu cầu thanh toán nhưng Công ty D chưa thanh toán tiền cho Công ty PH theo thỏa thuận. Nay Công ty PH khởi kiện yêu cầu Công ty D trả cho Công ty PH số tiền gốc là 31.204.500 đồng và tiền lãi phát sinh chậm trả theo mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 10/8/2018 đến ngày 11/01/2021 là 7.510.923 đồng. Tổng cộng là 38.715.423 đồng. *Tại phiên tòa*, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:

Ngày 05/7/2018 Công ty D và Công ty PH có ký kết hợp đồng dịch vụ khám chữa bệnh. Ngày 08/7/2018, Công ty D và Công ty PH có tiến hành thanh lý hợp đồng về việc khám sức khỏe 71 nhân viên, số tiền 31.204.500 đồng. Công ty PH đã xuất hóa đơn cho Công ty D ngày 09/7/2018. Tại thời điểm đó Công ty D xảy ra việc bàn giao giữa kế toán cũ và mới nên có thiếu sót việc treo công nợ khách hàng để thanh toán và thất thoát lưu giữ chứng từ. Đến thời điểm hiện tại Công ty D gặp nhiều khó khăn do bị giảm hàng loạt đơn hàng nên không có tiền thanh toán 1 lần cho Công ty PH. Tại phiên hòa giải Công ty D đề nghị phương án trả Công ty PH chia 04 đợt thanh toán, 01 đợt cách 01 tháng tính từ cuối tháng 11 năm 2020.

Tại phiên tòa, đại diện bị đơn thừa nhận số tiền gốc và lãi theo trình bày của đại diện Công ty PH. Do Công ty D gặp khó khăn về tài chính nên đề nghị Công ty PH cho Công ty D thanh toán nợ gốc theo phương án chia thành 04 kỳ thanh toán, kỳ đầu là tháng 01/2021 và xin không trả số tiền lãi 7.510.923 đồng cho Công ty PH.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật:* Công ty PH khởi kiện yêu cầu Công ty D thanh toán tiền theo thỏa thuận hợp đồng dịch vụ, các bên có đăng ký kinh doanh và mục đích lợi nhuận. Tòa án xác định quan hệ pháp luật tranh chấp hợp đồng dịch vụ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b

khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

[2] Xét về nội dung:

Đối với nợ gốc: Công ty PH khởi kiện yêu cầu Công ty D thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng dịch vụ số 37/HĐKSK-CTPH.2018 ngày 05/7/2018. Công ty PH thực hiện xong việc khám sức khỏe cho nhân viên Công ty D vào ngày 07/7/2018 với tổng số tiền là 31.204.500 đồng. Ngày 09/7/2018 Công ty PH đã xuất hóa đơn GTGT số 0000650 cho Công ty D, đã bàn giao hóa đơn có lập giấy xác nhận với Công ty D, đã thanh lý hợp đồng, bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe cùng 71 sổ khám sức khỏe định kỳ cho Công ty D theo đúng thỏa thuận hợp đồng nhưng Công ty D chưa thanh toán. Đại diện Công ty D thống nhất với Công ty PH về nội dung hợp đồng, giá trị hợp đồng và thừa nhận Công ty PH đã thực hiện xong việc khám sức khỏe, đã giao bảng tổng hợp kết quả khám sức khỏe, 71 sổ khám sức khỏe định kỳ và xuất hóa đơn GTGT cho Công ty D. Công ty D thừa nhận nợ và lý do chưa thanh toán cho Công ty PH là tình hình tài chính Công ty khó khăn nên chưa trả nợ gốc và lãi cho Công ty PH. Trong quá trình giải quyết vụ án, Công ty D đưa ra phương án trả nợ chia thành 04 đợt thanh toán, mỗi đợt cách 01 tháng tính từ cuối tháng 11/2020. Tại phiên tòa, Công ty D yêu cầu được chia thành 04 kỳ thanh toán, kỳ đầu là tháng 01/2021 đối với số nợ gốc. Yêu cầu này của công ty D không được Công ty PH chấp nhận. Công ty D thừa nhận nợ nên căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự đây là tính tiết không phải chứng minh. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty PH buộc Công ty D phải trả cho Công ty PH số tiền gốc 31.204.500 đồng.

Đối với nợ lãi: Công ty PH yêu cầu Công ty D trả lãi với mức lãi suất 0,83%/tháng tính từ ngày 10/8/2018 đến ngày 11/01/2021. Tại phiên tòa Công ty D xin Công ty PH không tính lãi. Yêu cầu này của công ty D không được Công ty PH chấp nhận. Căn cứ hợp đồng dịch vụ số 37/HĐKSK-CTPH.2018 ngày 05/7/2018 được ký kết giữa hai bên thì Công ty D đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Căn cứ Điều 306 Luật thương mại 2005 quy định: *“Bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”*.

Tại phiên tòa, đại diện Công ty PH yêu cầu Công ty D trả tiền lãi trên số tiền chậm trả 31.204.500 đồng theo mức lãi suất 0,83%/tháng là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán. Công ty PH yêu cầu tính lãi từ ngày 10/8/2018 đến ngày 11/01/2021 là 29 tháng. Xét yêu cầu của nguyên đơn tính tiền lãi làm tròn 29 tháng và mức lãi suất 0,83%/tháng là có lợi hơn cho Công ty D nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Số tiền lãi tính đến ngày 11/01/2021 là 31.204.500 đồng x 0,83%/tháng x 29 tháng = 7.510.000 đồng. Tổng cộng gốc và lãi là 38.715.423 đồng.

[3] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định là 3.000.000 đồng. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp. Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 36, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.
- Điều 306 Luật thương mại 2005.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Công ty TNHH MTV Khám chữa bệnh Đa khoa PH. Buộc bị đơn Công ty TNHH Dịch vụ D có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH MTV Khám chữa bệnh Đa khoa PH số tiền là 38.715.423 đồng.

Kể từ khi nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án bị đơn không thanh toán thì còn phải trả lãi suất chậm trả theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thi hành án đối với số tiền chưa thi hành án xong.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Bị đơn phải chịu án phí theo quy định là 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng).

Nguyên đơn được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 3.000.000 đồng theo biên lai thu số 002700 ngày 17/6/2020 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự quận NK, thành phố CT.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt thời hạn kháng cáo 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhân:

- Dương sự;
- TAND TP. CT;
- VKSND quận NK;
- Chi cục THADS quận NK;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Mỹ T